TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 30/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Dân

Ông Phạm Ngọc Biên

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 19/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 16/5/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh năm 1987, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 15/3/2018, bị tạm giam từ ngày 18/3/2018, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Thanh Hóa *(Có mặt)*.

Người bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: - Anh Hoàng Ngọc S, sinh năm 1986 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ, ngày 12/11/2017 bà Lê Thị T đến nhà văn hóa thôn Cao Yên, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa để dự liên hoan, chỉ còn Phạm Văn D là con trai bà T ở nhà. Sau khi bà T đi dự liên hoan, D đi đến nhà anh Hoàng Ngọc S, ở Phố L, thị trấn N mượn chiếc xe mô tô

biển kiểm soát 36K5-129.xx, khi mượn xe của anh S, D nói mượn xe đi có việc. Sau khi mượn được xe mô tô của anh S, D điều khiển xe về nhà mình, lấy chiếc ti vi nhãn hiệu SamSung 32inch mang đến quán sửa chữa điện tử của anh Bùi Văn T, ở Phố L, thị trấn N, huyện N để bán. Anh T nói với D, nếu ti vi lấy trộm thì anh T không mua, D nói ti vi của D mang đi bán, nên anh T đã mua với giá 1.200.000 đồng, D ký vào giấy mua bán ti vi do anh T viết. Số tiền bán ti vi, D đã sử dụng chi tiêu cho cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất trộm ti vi, bà Lê Thị T đã báo cáo Công an huyện Ngọc Lặc, đề nghị điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2017, khi biết chiếc ti vi mua của Phạm Văn D là tài sản do trộm cắp mà có, anh Bùi Văn T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc; anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền anh mua nhầm chiếc ti vi do bị cáo trộm cắp.

Việc anh Hoàng Ngọc S cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-129.xx, anh S không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ngọc Lặc kết luận giá trị chiếc ti vi nhãn hiệu Samsung, màu đen, mã sản phẩm YA32J4003, đã qua sử dụng là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 07/CTr-VKSNL ngày 19/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố bị cáo Phạm Văn D về "Tội trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt Phạm Văn D từ 06 *(Sáu)* tháng đến 09 *(Chín)* tháng tù; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn D đã thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định, mặc dù sống chung với bà Lê Thị T, nhưng bị cáo không có đóng góp gì trong việc làm phát sinh tài sản trong gia đình bà T, chiếc ti vi Samsung bị cáo trộm cắp ngày 12/11/2017 là tài sản của bà T, bị cáo không có quyền lợi gì đối với chiếc ti vi này. Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập đời sống cộng đồng.

Người bị hại là bà Lê Thị T khẳng định chiếc ti vi bị cáo trộm cắp ngày 12/11/2017 là tài sản của bà, bị cáo không có quyền lợi gì đối với chiếc ti vi này. Nay bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của mình, nên bà T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng là anh Bùi Văn T xác nhận, trong quá trình điều tra, anh T tự nguyện không yêu cầu bị cáo D bồi thường cho anh số tiền anh mua nhầm chiếc ti vi do bị cáo trộm cắp và chiếc ti vi anh đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để trả cho người bị hại. Tại phiên tòa anh T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết phần bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ thục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ngọc Lặc; về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 12/11/2017, bị cáo Phạm Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị T 01 *(Một)* chiếc ti vi nhãn hiệu Samsung 32inch để tại phòng khách của gia đình bà T ở thôn C, xã N, huyện N, mang đến bán cho anh Bùi Văn T, ở Phố L, thị trấn N. Hành vi của bị cáo D đã phạm vào "Tội trộm cắp tài sản", giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm học tập, cải tạo trở thành người tốt. Xét về nhân thân, mặc dù bị cáo không có tiền sự, tiền án, nhưng theo hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo là người nghiện chất ma túy, một tệ nạn bị xã hội lên án và bị pháp luật nghiêm cấm. Như vậy, bị cáo có nhân thân không tốt, không có khả năng tự cải tạo, nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt; đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời hạn tù của bị cáo.

[5]. Về bồi thường thiệt hại: Chiếc ti vi của bà T bị bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bà T, tại phiên tòa sơ thẩm, bà T không yêu cầu xem xét phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền anh Bùi Văn T mua nhầm phải chiếc ti vi do bị cáo trộm cắp, anh T đã giao nộp chiếc ti vi để trả cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh T tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua ti vi, không yêu cầu giải quyết việc bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 06 *(Sáu)* tháng tù, hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 15/3/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn D, người bị hại bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Viết Giảng